

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 77/2020/HS-PT
Ngày: 19- 6 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phố nhân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Các thẩm phán: 1. Bà Đỗ Anh Dân

2. Ông Đặng Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan- T ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Huyền, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2020/TLPT-HS ngày 25/3/2020 do có kháng cáo của bị cáo Lương Văn C và các bị cáo khác đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ , tỉnh Thái Nguyên.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lương Văn C, tên gọi khác Không, sinh năm 1973 tại tỉnh Thái Nguyên

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 3, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lương Văn K và con bà: Dương Thị V; có vợ: Nông Thị N, có 02 con: con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 576/HSPT ngày 25/5/2005, Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1985 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm P, xã PT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Thế T và con bà Đào Thị X (đều đã chết); có vợ Trần Thị H, có 02 con: con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 35/HSST ngày 22/5/2009, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Có mặt.

3. Tô Mạnh T1, tên gọi khác: Không, sinh 1977 tại Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 12, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Tô Văn Đ2 và con bà Lôi Thị T6; có vợ Bùi Thị M, có 03 con: con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. Có mặt

4. Trần Thị Phương K1, tên gọi khác: Trần Thị K1, sinh năm 1966 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm P, xã PT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trần Văn B và con bà Long Thị Đ (tên gọi khác Long Bích N1 hoặc H1); có chồng Chu Văn L, có 02 con: con lớn sinh năm: 1989, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 143/HSST ngày 09/12/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong toàn bộ bản án năm 2007.

- Tại bản án số 30/HSST ngày 29/8/2007, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong toàn bộ bản án năm 2008.

- Tại bản án số 28/HSPT ngày 27/4/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, chấp hành xong toàn bộ bản án, ra trại ngày 17/3/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Có mặt.

5. La Thị T2, tên gọi khác: Không, sinh năm 1964 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TT, xã HT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông La Văn V và con bà Lương Thị T3 (đều đã chết); có chồng Nguyễn Văn T4, có 02 con: con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1986; tiền sự: Không

Tiền án: Tại bản án số 103/HSST ngày 25/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” (ngày 20/8/2018 nộp tiền phạt và án phí).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Có mặt.

6. Nguyễn Thị H2, tên gọi khác: Không, sinh năm 1969 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm GT, xã KK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn Ch (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T5; có chồng Nguyễn Văn S, có 02 con: con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 13/HSST ngày 04/4/2012, Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 7.000.000đ về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong bản án ngày 29/01/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Vắng mặt.

7. Lê Quang H3, tên gọi khác: Không, sinh năm 1960 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 23 (nay là tổ 10), phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê H4 và con bà Nguyễn Thị V (đều đã chết); có vợ Mai Thị Hồng L1, có 02 con: con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 01/HS2 ngày 14/3/1982 bị Tòa án Quân sự Quân khu I xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân” (chấp hành xong hình phạt ngày 06/10/1986)

- Tại bản án số 283/HSST ngày 23/12/1999, Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cố ý gây Thương tích” (bản án đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Có mặt.

8. Nguyễn Thị T6, tên gọi khác: Không, sinh năm 1964 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố CT1, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn Đ1 (đã chết) và con bà: Trần Thị B; có chồng Vũ Trọng T7 (đã chết); có 02 con: con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 29/HSST ngày 02/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 13/11/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Có mặt.

9. Phạm Thị V1, tên gọi khác: Không, sinh năm 1957 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKTT và chỗ ở: Xóm TL1, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 4/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Phạm Văn L2 và con bà Nguyễn Thị L3 (đều đã chết); có chồng Nguyễn Văn C1, có 03 con: con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 28/HSST ngày 24/8/1981, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là Thái Nguyên), xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản riêng của công dân”

- Tại bản án số 382/HSPT ngày 24/3/2003, Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 04 năm tù về tội “Chứa mại dâm”, được đặc xá ngày 28/4/2005.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019. Hiện tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 04 bị cáo khác và 09 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị; bị cáo Nguyễn Tuấn B kháng cáo, ngày 06/5/2020 đã rút kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 45 phút ngày 25/3/2019, Tổ công tác của Công an huyện Đại Từ Tiến hành kiểm tra khu vực bãi chè của gia đình ông Vũ Văn L4 ở xóm L5, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đã phát hiện bắt quả tang một nhóm đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, quá trình bắt quả tang lợi dụng địa hình đồi núi một số đối tượng đã bỏ chạy thoát. Tổ công tác đã bắt giữ được 19 đối tượng, gồm: Lương Văn C; Trần Thị Phương K1; Nguyễn Thị T6; Nguyễn Văn T; Phạm Thị V1; Nguyễn Ngọc D; Phan Văn G; La Thị T2; Lê Quang H3; Nguyễn Thị H2; Lý Văn C2, sinh năm: 1973, trú tại: xóm P, xã PT, huyện ĐT; Lê Đắc Đ2, sinh năm: 1994, trú tại: xóm ĐQ, xã TH, huyện ĐT; Nguyễn Hoài N2, sinh năm: 1999, trú tại: Tổ dân phố CT1, thị trấn HS, huyện ĐT; Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1964, trú tại: xóm 8 LH, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Minh K4, sinh năm 1992 và Lê Mạnh D3, sinh năm: 1988, cùng trú tại: xóm CH9, xã BT, huyện ĐT; Lê Thị T8, sinh năm: 1982, trú tại: xóm Phố Điệp, xã TH, huyện ĐT; Ngô Đức K2, sinh năm: 1970, trú tại: Tổ 2, phường QT, thành phố TN và Nguyễn Trung T9, sinh năm: 1974, trú tại: Tiểu khu GT1, thị trấn GT2, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu tại chiếu bạc 72.350.000 đồng; 7.700.000 đồng thu của H3, 1.080.000 đồng thu của T6 và 500.000 đồng thu của D. Tổng số tiền dùng đánh bạc là 81.630.000 đồng; 01 hòm tôn bên trong có số tiền 21.400.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc; 01 bộ bát đĩa bằng sứ; 04

quân vị bằng tre một mặt xanh, một mặt trắng; 02 bạt dứa; 01 thảm nỉ màu đỏ; 55 ghế nhựa; 02 bộ đàm; 04 bảng vị; 01 khẩu súng bắn đạn bi; 01 quyển sổ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu sam sung màu xanh; 01 túi giả da; 10 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng gồm: Lương Văn C 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS; Phan Văn G 01 Điện thoại di động nhãn hiệu MASSTER màu đen; Lê Quang H3 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG galaxy J6; Nguyễn Thị T6 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG có ốp lưng màu vàng đồng; La Thị T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL màu đen; Nguyễn Ngọc D 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S; Phạm Thị V1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 230; Trần Thị P K1 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J3 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; Tô Mạnh T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ 52.174.000 đồng, gồm: 1.121.000 đồng của T, 90.000 đồng của H2, 9.910.000 đồng của D, 23.050.000 đồng của V1, 21.000 đồng của G, 6.000.000 đồng của Lưu Chí C3, 600.000 đồng của Ngô Đức K2, 62.000 đồng của Nguyễn M K4, 5.300.000 đồng của Nguyễn Trung T9, 6.000.000 đồng của Nguyễn Văn T10 và 20.000 đồng thu tại túi giả da tại chiếu bạc. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng cùng vật chứng về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo quy định pháp luật. Một số đối tượng đã bỏ chạy sau đó đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ trình báo.

Tại Cơ quan điều tra Lương Văn C cùng các đối tượng khai nhận như sau: Do biết trên địa bàn huyện ĐT và các huyện lân cận có nhiều người ham mê đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền nên C và Phan Trọng H5 đã bàn bạc mở sới bạc để thu tiền lệ phí của người tham gia chơi đánh bạc chia nhau. Trưa ngày 19/3/2019 C đến nhà H5, gặp H5 để bàn bạc cùng nhau tìm địa điểm tổ chức đánh bạc. Khi gặp H5 thì C và H5 cùng nhau đi lên nhà Nguyễn Tuấn B, ở xóm CN, xã PL, huyện ĐT (mục đích rủ B cùng tham gia tổ chức sới bạc), trên đường đi đến địa phận xã TL, huyện ĐT, C và H5 đón T1 cùng đi. Khi đến xóm CN, xã PL, C, H5 và T1 vào nhà Nguyễn Văn T10 (là em trai của B) ăn cơm uống rượu. Sau khi ăn cơm xong C, H5, B, T1 đi về nhà B. Tại nhà B các đối tượng cùng thống nhất sẽ tổ chức sới bạc trên đồi cây thuộc địa phận xóm L4, xã PL, huyện ĐT. Trong khi bàn bạc C phân công cho B chuẩn bị địa điểm để tổ chức đánh bạc và chuẩn bị các vật dụng phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc, H5 làm nhiệm vụ thuê xe ô tô để đưa đón người chơi đến sới bạc, T1 làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới sới bạc khi phát hiện thấy người lạ hoặc nghi vấn lực lượng chức năng đến kiểm tra sẽ thông báo để sới bạc biết và giải tán, còn C chịu trách nhiệm chung, quản lý đảm bảo trật tự trên sới bạc và thống nhất đến chiều ngày 21/3/2019 sẽ tổ chức canh bạc đầu tiên. Sau khi bàn bạc xong C đưa cho B 10.000.000 đồng để B mua các vật dụng phục vụ cho việc đánh bạc, gồm bạt dứa, thảm nỉ, ghế nhựa, bát đĩa bằng sứ, hòm tôn, khóa để đựng tiền lệ phí đánh bạc, bình ắc quy, đèn điện...

Ngày 20/3/2019, B Tiến hành mua các dụng cụ phục vụ cho việc tổ chức sới bạc gồm: bạt dứa, bát đĩa bằng sứ, dao, thăm ni, bút dạ, ghế nhựa..., khi mua B đã ghi chép vào quyển vở để theo dõi.

Chiều ngày 21/3/2019 đến ngày 24/3/2019, Lương Văn C cùng đồng phạm đã tổ chức cho các đối tượng tham gia đánh bạc tại đồi cây thuộc xóm L4, xã PL, huyện ĐT và thu tiền của các đối tượng đến tham gia đánh bạc nhưng không xác định được ai là người tham gia và số lượng người chơi đánh bạc cũng như số tiền thu được từ việc tổ chức đánh bạc. Để thuận tiện cho việc tổ chức đánh bạc chiều ngày 24/3/2019 C đã mua thêm 05 bộ đàm để cho những người làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới sới bạc sử dụng.

Khoảng 14h00 ngày 25/3/2019, C cùng đồng bọn tiếp tục tổ chức cho các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại khu vực đồi chè nhà ông Vũ Văn L4 thuộc xóm L4, xã PL, huyện ĐT. Theo sự phân công, sắp đặt của C, T1 cùng G làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới sới bạc; T được C thuê làm nhiệm vụ “hò lý” tại sới bạc. Thực hiện theo sự chỉ đạo và thỏa thuận với C từ trước, T yêu cầu mỗi người đến tham gia đánh bạc phải nộp tiền lệ phí tham gia chơi đánh bạc từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng (gọi là tiền “hò”), trong khi các đối tượng đánh bạc nếu người nào thắng từ 5 triệu đồng trở lên thì T sẽ thu từ 200.000 đồng trở lên (gọi là “bắt sâu”), tiền “hò” và tiền “bắt sâu” thu được từ sới bạc T sẽ cho vào chiếc hòm tôn do B chuẩn bị từ trước. M đến sới bạc thấy có đông người nên M nhận làm người xóc cái để cho mọi người tham gia chơi đánh bạc.

Khi đánh bạc Bùi Văn M sử dụng 10.000.000 đồng xóc cái và đánh nhiều ván bạc bị thua hết; Lê Quang H3 sử dụng 8.000.000 đồng đánh nhiều ván bạc bị thua 300.000 đồng còn lại 7.700.000 đồng; Nguyễn Thị T6 sử dụng 1.080.000 đồng đánh nhiều ván bạc, không bị thua; Trần Thị Phương K1 sử dụng 800.000 đồng đánh nhiều ván bạc bị thua hết; Nguyễn Thị H2 có 290.000 đồng sử dụng 200.000 đồng đánh một ván bạc bị thua còn lại 90.000 đồng; La Thị T2 có 160.000 đồng sử dụng đánh bạc, đánh 01 ván bạc 100.000 đồng bị thua còn lại 60.000 đồng bỏ chạy bị rơi mất; Phạm Thị V1 mang theo 23.550.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, đánh nhiều ván bạc bị thua 300.000 đồng còn 200.000 đồng khi bỏ chạy bị rơi, số còn lại 23.050.000 đồng không sử dụng đánh bạc; Nguyễn Ngọc D mang theo 10.010.000 đồng sử dụng 100.000 đồng đánh nhiều ván bạc thắng được 400.000 đồng.

Các đối tượng tham gia đánh bạc đến khoảng 16 giờ 45 phút ngày 25/3/2019 thì sới bạc bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 81.630.000 đồng (bao gồm: 72.350.000 đồng thu tại chiếu bạc + 7.700.000 đồng của H3+ 1.080.000 đồng của T6 + 500.000 đồng của D) và tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là 21.400.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 14/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Lương Văn C, Nguyễn Văn T, Tô Mạnh T1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo: Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Trần Thị Phương K1, Nguyễn Thị H2, La Thị T2, Phạm Thị V1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm c, d khoản 1 và khoản 3 Điều 322 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (Đối với bị cáo C, T, T1), khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T, T1), xử phạt:

- Lương Văn C 18 (Mười T10) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Nguyễn Văn T 17 (Mười Bảy) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Tô Mạnh T1 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn thụ hình tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 321 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với các bị cáo Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Trần Thị Phương K1, Nguyễn Thị H2, La Thị T2, Phạm Thị V1) điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Phạm Thị V1), khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Thị H2, Lê Quang H3), điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS (Đối với bị cáo La Thị T2), xử phạt:

- Phạm Thị V1 từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Lê Quang H3 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Nguyễn Thị H2 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Nguyễn Thị T6 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- La Thị T2 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Trần Thị Phương K1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019, thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn B, Phan Văn G, Bùi Văn M, Nguyễn Ngọc D; quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/02/2020 bị cáo Lương Văn C kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/02/2020 bị cáo Tô Mạnh T1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Ngày 18/02/2020 bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Thị Phương K1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/02/2020 bị cáo La Thị T2 và Nguyễn Thị T6 kháng cáo với nội dung thấy mức án sơ thẩm xử quá cao đề nghị cấp phúc thẩm xét xử cho thỏa đáng.

Ngày 24/02/2020 bị cáo Nguyễn Thị H2 kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Ngày 18/02/2020 bị cáo Lê Quang H3 kháng cáo với nội dung xin cải tạo tại địa phương

Ngày 27/02/2020 bị cáo Phạm Thị V1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/02/2020 bị cáo Nguyễn Tuấn B kháng cáo, tuy nhiên ngày 06/5/2020 bị cáo Nguyễn Tuấn B rút đơn kháng cáo, Tòa án đã thông báo việc bị cáo B rút đơn kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo H2 có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do ốm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo H2. Các bị cáo C, T, V1, H3, K1 giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo T2, T6 xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T1 rút kháng cáo phần xin giảm nhẹ, chỉ xin hưởng án treo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản án sơ thẩm đã quy kết.

Phần kết luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt D vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của các bị cáo, phân tích mức độ tham gia của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Văn T, Lê Quang H3, Nguyễn Thị H2, Trần Thị Phương K1, La Thị T2, Nguyễn Thị T6, Phạm Thị V1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số

01/2020/HSST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đối với các bị cáo C, T, H3, H2, K1, T2, V1, T6. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Mạnh T1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, áp dụng thêm cho bị cáo Tô Mạnh T1 Điều 65 Bộ luật hình sự chuyển 12 tháng tù sang 12 tháng tù cho hưởng án treo 24 tháng thử thách.

Các bị cáo C, T, T1, K1, V1, T2, T6 không tranh luận gì.

Bị cáo H3 tranh luận: Bị cáo có 2 bản án nhưng xét xử đã lâu, bị cáo phạm tội đánh bạc lần đầu, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp xong tiền phạt và án phí, có công tố giác tội phạm được Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang có văn bản đề nghị, đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Kiểm sát viên đối đáp giữ nguyên quan điểm đề nghị đối với bị cáo H3.

Lời nói sau cùng các bị cáo C, T, K1, V1, T2, T6 xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T1, H3 xin được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lương Văn C, Tô Mạnh T1, Nguyễn Văn T, Trần Thị Phương K1, La Thị T2, Nguyễn Thị H2, Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Phạm Thị V1 làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H2 vắng mặt với lý do ốm. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đối với bị cáo H2 nhiều lần. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bị cáo Nguyễn Thị H2.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của các bị cáo khai trong quá trình điều tra cũng như phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 25/3/2019 tại đồi chè của gia đình ông Vũ Văn Lưu thuộc xóm L4, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Tuấn B, Phan Văn G, Nguyễn Văn T và Tô Mạnh T1 đã có hành vi chuẩn bị địa điểm, dụng cụ, công cụ, phân công người canh gác, người làm hồ lý tổ chức cho các đối tượng đánh bạc gồm: Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Trần Thị Phương K1, Nguyễn Thị H2, La Thị T2, Phạm Thị V1, Nguyễn Ngọc D, Bùi Văn M và một số đối tượng khác không xác định được tên tuổi, địa chỉ tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 81.630.000 đồng; số tiền các bị cáo C, B, G, T, T1 thu lợi bất chính là 21.400.000 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ , tỉnh Thái Nguyên đã xét xử các bị cáo C, T, T1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo H3, T6, K1, H2, T2, V1 phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3].Xét kháng cáo của các bị cáo:

Đối với kháng cáo của bị cáo C, T xin giảm nhẹ hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo C 18 tháng tù, bị cáo T1 7 tháng tù.Tại cấp phúc thẩm bị cáo T không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới; bị cáo C xuất trình biên lai đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung,tiềnán phí và có công tố giác tội phạm được Công an thị trấn Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang có văn bản đề nghị xem xét, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên,bị cáo C, T đều có nhân thân xấu, đã bị xét xử về loại tội cùng tính chất “Đánh bạc”nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo tổ chức đánh bạc với quy mô lớn,bị cáo C là người khởi xướng, phân công và Tiến hành việc tổ chức đánh bạc nên giữ vai trò chủ mưu; bị cáo T là người giúp sức tích cực, trực tiếp làm hồ lý, thu tiền lệ phí, trả tiền cho các con bạc khi thắng, thua. Mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo C và T là đã xem xét . Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo C và T.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T1 Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T1 có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thành khẩn , ăn năn hối cải khai nhận hành vi phạm tội của mình . Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã xuất trình biên lai thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung, tiền truy thu và tiền án phítheo bản án sơ thẩm đã tuyên, điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Bị cáo làm nhiệm vụ cảnh giới theo sự phân công, sắp đặt của bị cáo C để được trả tiền công. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào . Xét mức độ tham gia và vai trò của bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo T2, T6, K1, V1 xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo H2, H3. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cấp phúc thẩm bị cáo T2, T6 không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới; các bị cáo K1, H2, H3 xuất trình biên lai đã thi hành xong khoản tiền phạt và án phí, sau khi xét xử sơ thẩm đã có công tố giác tội phạm được Phòng Cảnh sát hình sự, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang có văn bản đề nghị xem xét; bị cáo V1 có anh trai được Nhà nước tặng Thương Huân chương kháng chiến; mẹ bị cáo K1 có thành tích tham gia trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ được tặng Bằng khen. Bị cáo K1, H2, H3 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo V1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, đều đã bị Tòa án xét xử nhiều lần (bị cáo K1 đã bị xét xử 02 bản án về tội “Đánh bạc” và 01 bản án về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” mới được xóa án tích ngày 17/3/2019; bị cáo H2 đã bị xét xử về cùng loại tội “Đánh bạc”; bị cáo H3 và bị cáo V1 cũng đã có 02 bản án; bị cáo T6 trong thời gian tại ngoại tại địa phương chờ xét xử về tội “Đánh bạc” xảy ra ngày 20/6/2018, ngày 25/3/2019 bị cáo lại tiếp tục phạm loại tội cùng tính chất); bị cáo T2 có 1 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích, nhưng các bị cáo đều không lấy đó làm bài học tự tu dưỡng rèn luyện bản thân, lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo T2, T6, V1, H2, H3, K1. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, tệ nạn cờ bạc là nguyên nhân gây tan vỡ nhiều gia đình, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều loại tội phạm nên cần xử lý nghiêm minh. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt mỗi bị cáo 36 tháng tù là mức khởi điểm của khung hình phạt, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo T2, T6, K1, V1 cũng như kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo H2, H3.

Đối với tài liệu xác nhận bị cáo Trần Thị Phương K1 có thành tích báo tin tố giác tội phạm giúp Công an xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên bắt giữ tội phạm liên quan đến ma túy, theo quy định tại Công văn số 5325/CAT-PC81 của Công an tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Ghi nhận các bị cáo Lương Văn C, Tô Mạnh T1, Nguyễn Thị H2, Trần Thị Phương K1, Lê Quang H3 đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

[5] Bị cáo T1 được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

[6].Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Văn T, Trần Thị Phương K1, La Thị T2, Nguyễn Thị H2, Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Phạm Thị V1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đối với các bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Văn T, Trần Thị Phương K1, La Thị T2, Nguyễn Thị H2, Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Phạm Thị V1.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Mạnh T1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đối với bị cáo Tô Mạnh T1.

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Văn T, Tô Mạnh T1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Trần Thị Phương K1, Nguyễn Thị H2, La Thị T2, Phạm Thị V1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng điểm c, d khoản 1 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; (điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo C) Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Lương Văn C 18 (Mười Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019;

- Nguyễn Văn T 17 (Mười Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019.

+ Ghi nhận ngày 24/4/2020 bị cáo Lương Văn C đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ (biên lai thu số 0001286).

2. Áp dụng điểm c, d khoản 1 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Tô Mạnh T1 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tô Mạnh T1 cho Ủy ban nhân dân xã Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Linh trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Ghi nhận ngày 22/4/2020 bị cáo Tô Mạnh T1 đã nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, 900.000 đồng tiền truy thu và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ (biên lai thu số 0001282)

3. Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự (đối với các bị cáo Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Trần Thị Phương K1, Nguyễn Thị H2, La Thị T2, Phạm Thị V1); điểm u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Phạm Thị V1, Trần Thị Phương K1, Lê Quang H3, Nguyễn Thị H2); điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo La Thị T2; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt:

- Lê Quang H3 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019;

- Nguyễn Thị H2 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019;

- Trần Thị Phương K1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019;

- Nguyễn Thị T6 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019;

- La Thị T2 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019;

- Phạm Thị V từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 03/4/2019;

+ Ghi nhận ngày 30/3/2020 bị cáo Nguyễn Thị H2 đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ (biên lai thu số 0001374).

+ Ghi nhận ngày 24/4/2020 bị cáo Trần Thị Phương K1 đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ (biên lai thu số 0001284).

+ Ghi nhận ngày 24/4/2020 bị cáo Lê Quang H3 đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ (biên lai thu số 0001285).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tô Mạnh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Văn T, Lê Quang H3, Nguyễn Thị T6, Trần Thị Phương K1, Nguyễn Thị H2, La Thị T2, Phạm Thị V1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm vào ngân sách nhà nước.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- TAND huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- THADS huyện Đại Từ;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Nhài